

Thiên phư Lee

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ NN & PTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148 /2007/TTLT/BTC- BNN & PTNT

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2007

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn chế độ đặt hàng sản xuất và
cung ứng sản phẩm giống gốc vật nuôi

Căn cứ Pháp lệnh giống vật nuôi số 16/2004/PL-UBTVQH 11 ngày 24 tháng 03 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/06/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/03/2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích;

Căn cứ Quyết định số 256/2006/QĐ-TTg ngày 09/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích;

Liên Bộ Tài chính-Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm giống gốc vật nuôi như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Cơ quan đặt hàng

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cơ quan đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm giống gốc vật nuôi (sau đây được gọi tắt là cơ quan đặt hàng).

2. Đơn vị nhận đặt hàng

Bao gồm các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, các cơ sở nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật về lĩnh vực giống vật nuôi, các trang trại chăn nuôi đáp ứng được các yêu cầu của cơ sở nuôi giữ giống gốc theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Pháp lệnh giống vật nuôi (sau đây được gọi tắt là đơn vị nhận đặt hàng).

3. Sản phẩm giống được đặt hàng sản xuất và cung ứng

Là con giống, sản phẩm giống (trứng, tinh, phôi) của đàn giống cụ kỵ, ông, bà đối với lợn; của dòng thuần ông, bà đối với gia cầm; của đàn hạt nhân đối với gia súc lớn; của giống thuần đối với ong, tằm đạt tiêu chuẩn giống do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.

4. Những hoạt động được nhà nước trợ cấp kinh phí để sản xuất và cung ứng sản phẩm giống gốc vật nuôi

a) Sản xuất ra con giống và sản phẩm giống theo quy định tại khoản 3 Mục I của Thông tư này được nhà nước đặt hàng. Sản phẩm được bán, sử dụng thay thế đàn hoặc thực hiện Chương trình chọn lọc, nhân giống có mục tiêu;

b) Nhập và nuôi tân đảo giống gốc mới, các sản phẩm giống để nâng cao chất lượng giống gốc vật nuôi và hướng dẫn nghiệp vụ quản lý giống gốc;

c) Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng giữa cơ quan đặt hàng và đơn vị nhận đặt hàng.

5. Nguồn kinh phí trợ cấp

a) Ngân sách Trung ương trợ cấp cho các hoạt động do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đặt hàng được nêu tại khoản 4 Mục I Thông tư này.

b) Ngân sách địa phương trợ cấp cho các hoạt động do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đặt hàng được nêu tại khoản 4 Mục I của Thông tư này.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Lập kế hoạch bố trí nguồn kinh phí

Hàng năm, căn cứ mục tiêu phát triển của ngành chăn nuôi và khả năng sản xuất, cung ứng sản phẩm giống gốc của đơn vị thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Mục I của Thông tư này, cơ quan đặt hàng lập dự toán chi Ngân sách về kinh phí trợ cấp gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp trong dự toán ngân sách trình cơ quan thẩm quyền quyết định. Việc lập dự toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Xác định mức kinh phí trợ cấp

a) Kinh phí trợ cấp cho một loại sản phẩm giống gốc: kinh phí trợ cấp cho một loại sản phẩm giống gốc được tính trên cơ sở số lượng sản phẩm giống gốc và đơn giá trợ cấp cho mỗi sản phẩm giống gốc, trong đó:

- Đơn giá trợ cấp cho một đơn vị sản phẩm giống vật nuôi được tính theo công thức:

$$\text{Đơn giá trợ cấp cho một sản phẩm giống gốc} = \frac{\text{Chi phí chăn nuôi cho một đơn vị giống gốc} - \text{Doanh thu từ một đơn vị giống gốc}}{\text{Định mức sản phẩm cho một đơn vị giống gốc}}$$

Trong đó:

+ Chi phí chăn nuôi cho một đơn vị giống gốc: là chi phí hợp lý sau khi trừ đi tiền bán sản phẩm thải loại, sản phẩm phụ của một đơn vị giống gốc để đơn vị nuôi giữ giống gốc vật nuôi đủ điều kiện nuôi giữ đối với một đơn vị giống gốc trong một năm;

Đơn vị giống gốc là đơn vị tính cho một loại vật nuôi cụ thể, đối với ong là đàn, đối với tằm là ổ, đối với vật nuôi khác là con, đối với tinh là liều, đối với phôi là phôi.

+ Doanh thu từ một đơn vị giống gốc: là tiền bán sản phẩm con giống, tinh, phôi và doanh thu sản phẩm xuất thay thế đàn theo giá nhà nước quy định. Giá nhà nước quy định được xây dựng trên cơ sở giá thị trường tại thời điểm xác định mức trợ cấp;

+ Định mức sản phẩm cho một đơn vị giống gốc: là số lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn làm giống xuất ra trong năm từ một đơn vị giống gốc. Tiêu chuẩn giống gốc và định mức sản phẩm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.

Bộ Tài chính quyết định đơn giá trợ cấp cho sản phẩm đặt hàng được thanh toán hỗ trợ từ Ngân sách Trung ương trên cơ sở đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đơn giá trợ cấp cho sản phẩm đặt hàng được thanh toán hỗ trợ từ ngân sách địa phương trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đơn giá trợ cấp cho một sản phẩm giống gốc được giữ ổn định, chỉ xác định lại khi có biến động về giá vật tư, giá bán sản phẩm giống và thay đổi định mức kinh tế kỹ thuật làm thay đổi đơn giá trợ cấp từ 20% trở lên so với đơn giá trợ cấp đã được xác định.

- Kinh phí trợ cấp cho một loại sản phẩm giống gốc:

$$\text{Mức trợ cấp cho một loại SP giống gốc} = \text{Đơn giá trợ cấp cho một sản phẩm giống gốc} \times \text{Số lượng sản phẩm giống xuất bán, thay thế đàn}$$

b) Kinh phí nhập, nuôi tân đảo giống gốc mới, sản phẩm giống để nâng cao chất lượng giống gốc vật nuôi và hướng dẫn nghiệp vụ giống gốc: là khoản kinh phí cấp cho đơn vị nuôi giữ giống để nhập và nuôi tân đảo giống gốc mới, các sản phẩm giống để nâng cao chất lượng giống gốc vật nuôi và hướng dẫn nghiệp vụ quản lý giống gốc mới theo hợp đồng đặt hàng trên cơ sở:

- Số lượng, chủng loại giống và sản phẩm giống nhập bổ sung do cơ quan đặt hàng quyết định.

- Giá nhập giống và sản phẩm giống xác định qua đấu thầu được cơ quan đặt hàng phê duyệt.

- Kinh phí cho nội dung hoạt động không quá 15% tổng kinh phí trợ cấp về sản phẩm giống gốc.

c) Kinh phí tổ chức kiểm tra, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đặt hàng:

Là khoản kinh phí để cơ quan đặt hàng tổ chức kiểm tra, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đặt hàng với các đơn vị nhận đặt hàng.

Kinh phí cho các hoạt động này ở Trung ương tối đa không quá 3%; ở địa phương tối đa không quá 7% của số kinh phí trợ cấp sản phẩm giống gốc trong năm.

3. Ký hợp đồng đặt hàng và điều chỉnh giá trị hợp đồng

Căn cứ dự toán kinh phí trợ cấp được cấp có thẩm quyền thông báo với cơ quan đặt hàng, cơ quan đặt hàng thực hiện phân bổ kinh phí trợ cấp cho việc sản xuất, cung ứng từng sản phẩm giống gốc; kinh phí cho việc nhập và nuôi tân đảo giống mới; kinh phí cho việc kiểm tra, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng. Cơ sở đặt hàng ký hợp đồng hoặc uỷ quyền cho cơ quan quản lý chuyên ngành (Cục Chăn nuôi đối với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ký hợp đồng theo mẫu hợp đồng tại Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này. Hợp đồng đặt hàng được gửi đến cơ quan tài chính để cấp ứng kinh phí trợ cấp và phối hợp kiểm tra, quyết toán thanh lý hợp đồng đối với đơn vị nhận đặt hàng.

Trong quá trình thực hiện, giá trị hợp đồng đặt hàng có thể được điều chỉnh khi được cơ quan thẩm quyền điều chỉnh đơn giá trợ cấp hoặc khi có thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng tới kết quả sản xuất, tiêu thụ sản phẩm giống.

4. Cấp kinh phí trợ cấp

Kinh phí trợ cấp được thực hiện bằng hình thức lệnh chi tiền, cụ thể:

a) Cấp kinh phí cho sản phẩm giống gốc:

Căn cứ hợp đồng đã được ký giữa cơ quan đặt hàng với đơn vị nhận đặt hàng, cơ quan tài chính cấp ứng 70% kinh phí trợ cấp theo giá trị hợp đồng cho đơn vị nhận đặt hàng.

Căn cứ biên bản thanh lý hợp đồng giữa cơ quan đặt hàng với đơn vị nhận đặt hàng, cơ quan tài chính cấp tiếp kinh phí còn thiếu theo giá trị thanh lý hợp đồng cho đơn vị nhận đặt hàng.

Thời gian cấp kinh phí không quá 10 ngày làm việc tính từ khi cơ quan tài chính nhận được hợp đồng hoặc biên bản thanh lý hợp đồng giữa cơ quan đặt hàng với đơn vị nhận đặt hàng.

b) Cấp kinh phí nhập, nuôi tân đão giống gốc mới, các sản phẩm giống để nâng cao chất lượng giống gốc vật nuôi và hướng dẫn nghiệp vụ quản lý giống gốc.

Thời gian cấp kinh phí không quá 10 ngày làm việc tính từ khi cơ quan tài chính nhận được quyết định được nhập giống của cơ quan có thẩm quyền và hợp đồng nhập giống giữa đơn vị nhận đặt hàng với nhà thầu cung cấp con giống.

c) Cấp kinh phí kiểm tra, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng:

Thời gian cấp kinh phí không quá mười 10 ngày làm việc tính từ khi cơ quan tài chính nhận được dự toán chi tiết và theo tiến độ thực hiện.

5. Thanh lý hợp đồng

a) Đối với cơ quan đặt hàng: kết thúc năm tài chính hoặc trong năm đơn vị nhận đặt hàng thực hiện xong hợp đồng thì cơ quan đặt hàng kịp thời tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện hợp đồng và ký biên bản thanh lý hợp đồng với đơn vị nhận đặt hàng theo mẫu tại phụ lục số 02 kèm theo Thông tư này.

Căn cứ biên bản thanh lý hợp đồng giữa cơ quan đặt hàng và đơn vị nhận đặt hàng, cơ quan đặt hàng đánh giá kết quả thực hiện nuôi giữ giống gốc vật nuôi gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

Trường hợp số kinh phí theo biên bản thanh lý hợp đồng thấp hơn số kinh phí đã tạm ứng, đơn vị nhận đặt hàng phải hoàn lại Ngân sách số tiền chênh lệch này. Thời gian nộp lại không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày ký biên bản thanh lý hợp đồng.

b) Đối với doanh nghiệp nhận đặt hàng: kết thúc năm tài chính hoặc hợp đồng đặt hàng hoàn thành trước khi kết thúc năm, đơn vị nhận đặt hàng báo cáo kết quả thực hiện nuôi giữ giống gốc, quyết toán kinh phí trợ cấp gửi cơ quan đặt hàng và cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và phê duyệt quyết toán.

6. Báo cáo và kiểm tra

Định kỳ 6 tháng và khi kết thúc năm kế hoạch đơn vị nhận đặt hàng có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng đặt hàng với cơ quan đặt hàng.

Cơ quan đặt hàng có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra đột xuất, định kỳ về thực hiện hợp đồng và kiểm tra nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đặt hàng với đơn vị nhận đặt hàng.

Cuối năm cơ quan đặt hàng lập báo cáo đánh giá về:

- Sản xuất ra con giống và sản phẩm giống theo quy định tại khoản 3 Mục I Thông tư này được Nhà nước đặt hàng. Sản phẩm được bán, sử dụng thay thế đàn hoặc thực hiện chương trình chọn lọc, nhân giống có mục tiêu;

- Nhập và nuôi tân đảo giống gốc mới, các sản phẩm giống để nâng cao chất lượng giống gốc vật nuôi và hướng dẫn nghiệp vụ quản lý giống gốc;

Báo cáo gửi cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo và thay thế Thông tư Liên tịch số 04/TTLB/NN&PTNT-TC ngày 16/01/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ hỗ trợ kinh phí nuôi giữ giống gốc.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, giải quyết./.

**KT.BỘ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Văn Tám

**KT.BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG**



Trần Xuân Hà

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;
- VP Trung ương Đảng;
- VP Quốc hội;
- VP Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm soát ND tối cao;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, Sở NN&PTNT các tỉnh TP trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ; Website Bộ TC; Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu: Bộ TC (VT, Cục TCDN); Bộ NN&PTNT (VT; Cục CN).

Phụ lục số 1

Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số /2007/TTLT-BTC-BNN&PTNT ngày /12/2007 của Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn chế độ đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm giống gốc vật nuôi

Tên đơn vị
Số: .. /HD- Cục(sở)...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG ĐẶT HÀNG

Sản xuất và cung ứng sản phẩm công ích vật nuôi giống gốc

- Căn cứ Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm công ích;

- Căn cứ Quyết định số 256/2006/QĐ-TTg ngày 9/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích;

- Căn cứ Thông tư liên tịch số /2007/TTLT-BTC-BNN&PTNT ngày /12/2007 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm giống gốc vật nuôi;

Hôm nay, ngày tháng năm , chúng tôi gồm có:

- Đại diện bên A: (cơ quan đặt hàng:)

- + Địa chỉ:
- + Điện thoại:, Fax :.....
- + Mã số thuế:
- + Tài khoản:
- + Do Ông/Bà:
- + Chức vụ: làm đại diện

- Đại diện bên B: (cơ quan nhận đặt hàng:)

- + Địa chỉ:
- + Điện thoại:, Fax :.....
- + Mã số thuế:
- + Tài khoản:
- + Do Ông/Bà:
- + Chức vụ: làm đại diện

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều kiện sau:

Điều 1. Nội dung đặt hàng:

1. Sản phẩm đặt hàng sản xuất, cung ứng cho người chăn nuôi: lợn giống hoặc tinh giống, phôi.....

- Số lượng sản phẩm đặt hàng sản xuất, cung ứng:.....con hoặc tinh, phôi...;

- Chất lượng sản phẩm đặt hàng: (theo các tiêu chuẩn kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định):

+

+

+

- Đơn giá trợ cấp cho một sản phẩm đặt hàng:.....đồng/sản phẩm (con, tinh, phôi).

- Tổng số kinh phí bên B được trợ cấp:đồng.

2. Nhập giống để làm tươi máu đàn giống gốc:

- Loại giống nhập: Lợn hoặc, bò, gà, tinh... ..

- Số lượng sản phẩm đặt hàng:con hoặc tinh, phôi...

- Đơn giá nhập:đồng/sản phẩm (con,tinh hoặc phôi).

- Tổng số kinh phí được cấp để nhập giống:..... đồng

Điều 2. Trách nhiệm mỗi Bên:

2.1 Bên A: Phối hợp cơ quan tài chính lập kế hoạch về nguồn kinh phí hỗ trợ, thực hiện thanh toán và kiểm tra, giám sát theo đúng quy định của Thông tư liên tịch số /2007/TTLT-BTC-BNN&PTNT ngày /12/2007 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2.2 Bên B:

- Sản xuất, cung ứng sản phẩm giống gốc về số lượng theo đúng hợp đồng, chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật tại Điều 1 của hợp đồng này.

- Sử dụng kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích, lập báo cáo quyết toán sử dụng kinh phí hỗ trợ theo đúng quy định./.

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Phụ lục số 2

Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số /2007/TTLT-BTC-BNN&PTNT ngày /12/2007 của Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn chế độ đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm giống gốc vật nuôi

Tên đơn vị

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN **THANH LÝ HỢP ĐỒNG ĐẶT HÀNG** **Sản xuất và cung ứng sản phẩm công ích giống gốc vật nuôi**

- Căn cứ Thông tư liên tịch số /2007/TTLT-BTC-BNN&PTNT ngày /12/2007 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm giống gốc vật nuôi;
- Căn cứ Hợp đồng số ngày tháng năm ;
- Căn cứ Báo cáo kết quả sản xuất và cung ứng sản phẩm vật nuôi giống gốc làm nhiệm vụ công ích giữa ... (cơ quan đặt hàng) và.... (cơ quan nhận đặt hàng);
- Căn cứ kết quả kiểm tra số lượng, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đặt hàng đủ tiêu chuẩn xuất bán, xuất tái tạo đàn giống gốc;

Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng đặt hàng sản xuất cung ứng sản phẩm giống gốc như sau:

Hôm nay, ngày tháng... năm... chúng tôi gồm có:

- Đại diện bên A: (cơ quan đặt hàng:)

- + Địa chỉ:
- + Điện thoại:, Fax :.....
- + Mã số thuế:
- + Tài khoản:
- + Do Ông/Bà:
- + Chức vụ: làm đại diện

- Đại diện bên B: (cơ quan nhận đặt hàng:)

- + Địa chỉ:
- + Điện thoại:, Fax :.....
- + Mã số thuế:
- + Tài khoản:
- + Do Ông/Bà:
- + Chức vụ: làm đại diện

Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng đặt hàng sản xuất cung ứng sản phẩm giống gốc như sau:

1. Số lượng sản phẩm giống gốc xuất bán, tái tạo đàn đạt tiêu chuẩn theo hợp đồng:

2. Số lượng sản phẩm đặt hàng xuất bán, tái tạo đàn đạt tiêu chuẩn được nghiệm thu:

3. Kinh phí trợ cấp:

- + Kinh phí được trợ cấp theo hợp đồng:
- + Kinh phí được trợ cấp theo kết quả nghiệm thu:
- + Kinh phí trợ cấp đã được cấp ứng:
- + Kinh phí trợ cấp được cấp tiếp:

4. Ý kiến của cơ quan đặt hàng (bên A):

5. Ý kiến của cơ quan nhận đặt hàng (bên B):

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B